



PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

NATRI HYPOCHLORIT			
Số CAS: 7681-52-9 Số UN: 1791 Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại HMIS (U.S.A) - Nguy hiểm đến sức khỏe: 2 - Nguy hiểm về cháy : 0 - Độ hoạt động : 1			
PHẦN I: Thông tin sản phẩm và doanh nghiệp			
- Tên thường gọi của chất: Javel			
- Tên thương mại: Sodium hypochlorite			
- Nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ: CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.		Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: CÔNG TY TNHH HOÁ CHẤT VÀ MÔI TRƯỜNG VŨ HOÀNG Lô 109, KCX Và CN Linh Trung III, Xã An Tịnh, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. ĐT: (0276) 3899076 – 899077 – 899078 Fax: (0276) 3899075	
- Mục đích sử dụng: Tẩy rửa bông vải sợi, diệt khuẩn...			
PHẦN II: Thông tin về thành phần nguy hiểm			
Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% khối lượng)
Natri hypochlorit	7681-52-9	NaOCl	(10±2) %
PHẦN III: Nhận dạng nguy hiểm			
1. Mức xếp loại nguy hiểm: Dạng nguy hiểm, chất ăn mòn, ảnh hưởng đến sức khỏe mức độ 2, độ hoạt động mức độ 1. *Biểu tượng GHS: 			
2. Cảnh báo nguy hiểm - Là chất độc hại gây tổn thương da, mắt và hệ hô hấp... - Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng: Tránh tiếp xúc trực tiếp với da và mắt, thiết bị chứa bằng nhựa hoặc thủy tinh, không rò rỉ, thận trọng khi vận chuyển sử dụng.			
3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng - Đường mắt: Gây bỏng niêm mạc, tấy đỏ, trường hợp nghiêm trọng có thể gây đục thủy tinh thể và mù lòa. - Đường thở : Gây khó chịu, khó thở, kích thích niêm mạc, cổ họng và đường hô hấp, tiếp xúc lâu dài gây suy giảm chức năng phổi và tổn thương vĩnh viễn. - Đường da: Ngứa da, rát đỏ, nhọt, có thể gây bỏng và phá hủy mô. - Đường tiêu hóa: Đau bụng, nôn mửa, tiêu chảy.			
4. Đối với môi trường: Độc đối với đời sống thủy sinh.			
PHẦN IV: Biện pháp sơ cứu khi gặp tai nạn			
1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt): Dùng nước sạch nhẹ nhàng rửa nhiều lần sau đó dùng dung dịch acid acetic 0.1% rửa thật nhiều rồi chuyển đến cơ sở y tế gần nhất để khám, điều trị tiếp.			

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da):

Cởi bỏ quần áo dính hóa chất. Rửa da với nhiều nước trong ít nhất 15 phút, sau đó dùng dung dịch acid acetic 2.5% rửa đến khi pH = 7 nếu da còn bị kích ứng và sưng đỏ thì băng bó vết thương chuyển đến cơ sở y tế kiểm tra điều trị.

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít phải hóa chất dạng hơi, khí)

- Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí. Hô hấp nhân tạo nếu nạn nhân ngừng thở. Nhanh chóng đưa nạn nhân đến bệnh viện gần nhất.

5. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống, nuốt nhầm hóa chất):

Rửa sạch miệng. Không gây nôn mửa trừ khi có hướng dẫn của nhân viên y tế. Cho nạn nhân uống thật nhiều nước. Không nên cố gắng trung hòa vì có thể dẫn đến thủng dạ dày. Nhanh chóng đưa nạn nhân đến bệnh viện gần nhất.

4. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có) : chưa có thông tin**PHẦN V: Biện pháp chữa cháy**

1. Xếp loại về tính cháy: là dạng sản phẩm không cháy nổ

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy: khí HOCl, Cl₂

3. Các tác nhân gây cháy, nổ: Không phù hợp.

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, các biện pháp chữa cháy kết hợp khác: Các phương tiện chữa cháy.

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: Mũ trùm đầu, quần áo chống thấm nước, ủng, gang tay cao su.

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)

- Các phương tiện dập tắt lửa thích hợp: bố trí ở những nơi lân cận chứa hóa chất.

- Những rủi ro đặc biệt: là chất khó cháy. Khi cháy có thể tạo ra các hơi/khí độc hại.

- Các thiết bị bảo hộ đặc biệt cho phòng chống cháy: Không được ở lại khu vực nguy hiểm mà không được trang bị quần áo bảo hộ hóa chất phù hợp, và bộ dụng cụ bình thở oxy.

PHẦN VI: Biện pháp xử lý khi gặp sự cố tràn đổ, rò rỉ

1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ

- Kiểm soát nguồn rò rỉ. Cô lập và thông gió khu vực bị rò rỉ.

- Đội viên xử lý phải trang bị bảo hộ đầy đủ, dùng các loại vật liệu có khả năng thấm hút tốt để thấm thu gom lại phân hủy rồi dùng nước xối rửa sạch nơi tràn chảy hóa chất.

2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng

- Đội viên xử lý phải trang bị bảo hộ đầy đủ. Ngăn chặn nguồn phát sinh tràn đổ, rò rỉ. Thông gió khu vực tràn đổ. Đào, vây cô lập khu vực, không cho người không có phận sự ra vào.

- Dùng cát đất tạo bờ chắn xung quanh không để hóa chất chảy lan rộng, dùng dụng cụ múc thu gom chứa vào thiết bị chứa khác chuyển về nơi sản xuất xử lý, tránh để hóa chất tràn vào hệ thống hồ ga và cống thoát nước, Dùng vật liệu trơ như cát... thấm hút và thu gom phần hóa chất còn lại sau đó phun nước làm sạch nơi bị tràn chảy.

- Vật liệu sau khi thấm hút phải để đúng nơi quy định, chờ xử lý.

- Liên hệ với nhà cung ứng khi có sự cố rò rỉ lớn xảy ra.

PHẦN VII: Sử dụng và bảo quản

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm

- Tránh sự tiếp xúc trực tiếp với da và mắt. Có hệ thống thông gió tốt. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động khi làm việc với hóa chất.

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản

- Bảo quản: Có thể bảo quản dưới áp suất thấp. tránh ánh sáng trực tiếp. Phải có thời hạn bảo quản.

- Tồn trữ: Đậy kín nút. Tránh tiếp xúc với ánh sáng mặt trời.

- Có thể bị phân hủy tạo thành các sản phẩm khí, đặc biệt là khi bảo quản trong một thời gian dài. Đóng các bình chứa sao cho áp suất bên trong có thể thoát ra ngoài. (sử dụng van an toàn)

- Không để các chất hữu cơ (rom, vỏ bào, mùn cưa, giấy), chất oxi hoá, chất dễ cháy, nổ trong cùng một kho với hoá chất. Không lưu trữ ở t^o trên 40°C, lưu trữ tốt nhất trong bóng tối, ở t^o dưới 29°C

nhưng trên t^o đóng băng.
 - Yêu cầu đối với bình chứa: Bình chứa không làm bằng kim loại.

PHẦN VIII: Kiểm soát tiếp xúc và phương tiện bảo hộ cá nhân

- 1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết**
 - Trang bị bảo vệ cá nhân, phương tiện làm việc phải làm sạch trước và sau khi sử dụng.
 - Phải dùng quạt thông gió để giữ nồng độ trong không khí thấp hơn giới hạn cho phép.
- 2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc**
 - Các thiết bị bảo hộ cá nhân: Quần áo bảo hộ nên chọn phù hợp với nơi làm việc, phụ thuộc vào nồng độ và hàm lượng các chất độc thao tác. Độ bền với hóa chất của quần áo bảo hộ phải được xác định với người cung cấp.
 - Bảo vệ hô hấp:khẩu trang hoạt tính, mặt nạ phòng độc.
 - Bảo vệ mắt: kính bảo hộ.
 - Bảo vệ tay: găng tay cao su.
 - Các thiết bị bảo hộ khác: Quần áo bảo hộ thích hợp.
 - Vệ sinh công nghiệp: Thay quần áo bị nhiễm hoá chất ngay lập tức. Sử dụng kem bảo vệ da, rửa tay và mặt sau khi làm việc với các hoá chất.
- 3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố:**
 Mặt nạ phòng độc, quần áo chống thấm, găng tay cao su, ủng, hoặc bộ quần áo trùm người có đường khí...
- 4. Các biện pháp vệ sinh :**
 Tắm rửa vệ sinh thân thể sau khi tiếp xúc với hóa chất, tẩy rửa quần áo nhiễm bẩn.

PHẦN IX: Đặc tính hóa lý

Trạng thái vật lý: dạng dung dịch lỏng trong suốt	Điểm sôi (°C): 101°C
Màu sắc: màu vàng	Điểm nóng chảy (°C): không phù hợp
Mùi đặc trưng: mùi hắc, dễ gây buồn nôn	Điểm bùng cháy (°C): không phù hợp
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: chưa có thông tin	Nhiệt độ tự cháy (°C): không phù hợp
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: chưa có thông tin	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): không phù hợp
Độ hòa tan trong nước: tan hoàn toàn trong nước	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): không phù hợp
Độ pH: 11-12 (20°C)	Tỷ lệ hoá hơi: chưa có thông tin
Khối lượng riêng: 1.185-1.20 g/cm ³ (20 °C, 10%)	

PHẦN X: Tính ổn định và khả năng phản ứng

- 1. Tính ổn định**
 Không cao, là một chất oxy hóa mạnh. Kém bền, dễ bị phân hủy bởi acid và giải phóng ra khí Clo. Bị phân hủy mạnh bởi tác dụng của các kim loại nặng như Fe, Ni, Co, Cu, Mn hay oxyt của chúng, dễ bị phân hủy dưới tác dụng của ánh sáng và nhiệt độ, nhất là môi trường có pH<6
- 2. Khả năng phản ứng**
 - Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy: tạo muối và nước.
 - Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh): ăn mòn da, phản ứng với acid, kim loại và các muối kim loại.
 - Các chất có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung: Các acid, bột kim loại.
 - Phản ứng trùng hợp: không xảy ra

PHẦN XI: Thông tin về độc tính

- 1. Các ảnh hưởng mãn tính với người**
 - Sau khi hít vào: Gây kích thích màng nhầy, gây ho.
 - Sau khi tiếp xúc với da: Gây kích ứng da, tổn thương mô.
 - Sau khi tiếp xúc vào mắt: gây bỏng, nguy hiểm có thể dẫn đến mù.
 - Sau khi nuốt vào: Gây bỏng miệng, cổ họng, thực quản và thành dạ dày, ruột trên một diện

<p>rộng. Có thể làm thùng thực quản, dạ dày.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số dữ liệu khác: Sản phẩm nên được sử dụng cẩn thận khi làm việc với hóa chất. <p>2. Các ảnh hưởng độc khác: chưa có thông tin</p>						
PHẦN XI: Thông tin về sinh thái môi trường						
<p>Tác động trong môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự thoái biến sinh học: Phương pháp xác định sự thoái biến sinh học không được ứng dụng đối với các hợp chất vô cơ. - Ảnh hưởng sinh học: Tạo thành các hỗn hợp ăn mòn với nước thậm chí nếu được pha loãng. - Ảnh hưởng ở mức độ cao đối với các sinh vật sống ở nước: Ảnh hưởng độc hại phụ thuộc vào chỉ số pH. - Dữ liệu độc tố khác: chưa có thông tin 						
PHẦN XIII: Biện pháp và quy định về tiêu hủy hóa chất						
<p>1. Thông tin quy định tiêu hủy</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm: Không có một nguyên tắc thống nhất nào cho việc thải bỏ các hóa chất hoặc cặn bã. Các cặn hóa chất thường được tính như là chất thải đặc biệt. Việc loại bỏ gần đây được điều chỉnh lại theo nguyên tắc và luật lệ giữa các thành viên EC. Tim kiểm cơ quan có thẩm quyền phụ trách hoặc các công ty xử lý chất thải, các cơ quan này sẽ cho bạn lời khuyên nên hủy bỏ chất thải đặc biệt như thế nào. - Hoá chất hết hạn hoặc mất phẩm chất phải được xử lý, nếu hủy bỏ phải tuân thủ quy định nhà nước hiện hành. - Bao bì: Sự hủy bỏ được thực hiện theo luật định. Xử lý bao bì bị nhiễm bẩn cũng giống như việc xử lý bản thân hóa chất đó. Nếu các điều luật không có qui định khác biệt, bao bì không nhiễm bẩn có thể xử lý giống như chất thải sinh hoạt hoặc tái sử dụng. <p>2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải: chưa có thông tin</p> <p>3. Biện pháp tiêu hủy: tuân theo quy định của nhà nước hiện hành</p> <p>4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý: chưa có thông tin</p>						
PHẦN XIV: Quy định về vận chuyển						
Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...	1791	Sodium Hypochlo	8	III	Chất ăn mòn da	
<ul style="list-style-type: none"> - Javel có thể vận chuyển bằng xitec hoặc thùng kín bằng thép, bằng P.V.C hoặc thùng polyetylen cứng và phải có khung gỗ hay sắt để bảo vệ. Trên mặt các thùng chứa phải ghi: Chất ăn mòn da. - Không vận chuyển hoá chất nguy hiểm với người, gia súc và các hàng hoá khác. - Trên đường vận chuyển chủ phương tiện không đỗ dừng phương tiện ở nơi công cộng, đông người. 						
PHẦN XV: Thông tin về luật pháp						
<ul style="list-style-type: none"> - Ghi nhãn theo hướng dẫn của EC. - Ghi nhãn theo Quy định của pháp luật Việt Nam về hoá chất và theo hướng dẫn của Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) liên quan. - Biểu tượng: Chất ăn mòn C - Diễn đạt về rủi ro: 31-34 Sẽ giải phóng khí độc khi tiếp xúc với acid. Là nguyên nhân gây bỏng. - Diễn đạt về an toàn: 26-28-36/37/39-45-50 Trong trường hợp tiếp xúc với mắt, da nhanh chóng rửa bằng nước và gọi bác sĩ. Mặc bảo hộ lao động phù hợp, đeo găng tay, bảo vệ mắt và mặt. Trong trường hợp xảy ra tai nạn hoặc bạn cảm thấy không khỏe lập tức gọi bác sĩ (Cần dán nhãn ở nơi dễ thấy). Không được pha trộn với các acid. 						

PHẦN XVI: Thông tin khác
Ngày tháng biên soạn phiếu: 10/01/2013
Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 20/01/2018
Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty TNHH Hóa chất và Môi trường Vũ Hoàng
Lưu ý người đọc: Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Hoá chất nguy hiểm trong phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.